

Số: /KH-UBND

*Quảng Trị, ngày tháng năm 2021*

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý, điều hành, điều phối các hoạt động của chương trình dân số - KHHGD, từ năm 1994, ngành Dân số đã xây dựng hệ thống thu thập xử lý, khai thác lưu trữ thông tin, báo cáo thống kê chuyên ngành dân số thống nhất và đồng bộ từ trung ương đến cơ sở. Đặc biệt từ năm 2001, cùng với quá trình tin học hóa Hệ thống thông tin chuyên ngành Dân số đã triển khai phần mềm Hệ cơ sở dữ liệu dân cư và được nâng cấp qua nhiều phiên bản, đáp ứng với yêu cầu quản lý dân số của từng thời kỳ. Các thông tin cơ bản của từng người dân trong hộ gia đình (Họ tên; quan hệ chủ hộ; giới tính; ngày tháng năm sinh; giới tính; trình độ học vấn; tình trạng hôn nhân; dân tộc; tình trạng cư trú) và các thông tin biến động (sinh, chết, chuyển đi, chuyển đến; thay đổi về tình trạng hôn nhân, tình trạng cư trú..) được đội ngũ cộng tác viên dân số thôn, khu phố, cụm dân cư thu thập, cập nhật thường xuyên vào Sổ theo dõi hộ gia đình và được nhập vào kho dữ liệu chuyên ngành Dân số cấp huyện và thiết lập mạng điện tử để kết nối, đồng bộ thông tin số liệu giữa kho dữ liệu chuyên ngành Dân số cấp huyện với cấp tỉnh, trung ương. Nhờ vậy, những dữ liệu, thông tin và báo cáo thống kê chuyên ngành dân số ngày càng được cải thiện, góp phần quan trọng trong quá trình chỉ đạo, quản lý, điều hành, điều phối các hoạt động dân số của địa phương. Đặc biệt những năm gần đây, Hệ thống thông tin chuyên ngành Dân số thường xuyên chia sẻ và cung cấp thông tin, số liệu dân số để xây dựng các chương trình, dự án trong ngành y tế; cung cấp thông tin cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, các lĩnh vực sử dụng trong dự báo tình hình, xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội phù hợp và sát thực.

Tuy nhiên, Hệ thống thông tin chuyên ngành dân số vẫn còn những hạn chế, bất cập: Mạng lưới cộng tác viên dân số còn hạn chế về năng lực, trình độ thu thập, cập nhật dữ liệu và báo cáo dữ liệu dân số ban đầu; Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, lạc hậu, xuống cấp, không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ; kinh phí đầu tư cho hoạt động đào tạo, tập huấn nghiệp vụ về thu thập thông tin dữ liệu đầu vào của hệ thống rất hạn chế. Vì vậy, chất lượng thông tin chuyên ngành dân số vẫn chưa đáp ứng đầy đủ tình hình và dự báo dân số phục vụ nghiên cứu, hoạch định chính sách, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Để giải quyết những hạn chế, bất cập nêu trên, đồng thời nhằm cụ thể hóa Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển

hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Phát triển hệ thống thông tin số liệu dân số của tỉnh theo hướng hiện đại, đồng bộ bảo đảm cung cấp đầy đủ tình hình, dự báo dân số tin cậy phục vụ quản lý nhà nước về dân số, góp phần thực hiện việc quy hoạch, xây dựng kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, nhằm thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Thông tin số liệu trực tuyến về dân số được cập nhật, số hóa ở cấp xã, phường, thị trấn đạt 75% năm 2025; đạt 100% năm 2030. Cộng tác viên dân số thực hiện cập nhật thông tin số liệu trực tuyến bằng thiết bị di động thông minh đạt 90% năm 2030.

b) 100% kho dữ liệu chuyên ngành dân số trên địa bàn tỉnh được hiện đại hóa, hình thành hệ thống lưu trữ, kết nối thông tin số liệu dân số và phát triển vào năm 2025, tiếp tục duy trì và mở rộng đến năm 2030.

c) 100% các huyện, thị, thành phố xử lý, khai thác trực tuyến trên môi trường mạng các chỉ tiêu dân số và phát triển phục vụ chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước về dân số vào năm 2025; đến cấp xã, phường, thị trấn đạt 100% năm 2030.

d) 80% ngành, lĩnh vực của địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng, thực hiện quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội vào năm 2025; đạt 100% năm 2030.

đ) Triển khai, sử dụng các ứng dụng trên thiết bị di động thông minh trong việc quản lý, sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong các cơ quan, tổ chức trong xã hội đạt 05 ứng dụng năm 2025; 10 ứng dụng năm 2030.

## **IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG**

**1. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2021 đến năm 2030, chia làm 2 giai đoạn:

1.1. Giai đoạn 1 (từ năm 2021 đến 2025): Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình, trong đó tập trung hoàn thành các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện hệ thống chỉ tiêu dân số và phát triển. Điều chỉnh các biểu, mẫu thu thập thông tin, báo cáo định kỳ.

- Thí điểm, triển khai việc cập nhật thông tin số liệu chuyên ngành dân số trực tiếp vào kho dữ liệu chuyên ngành dân số tại cấp xã.

- Bổ sung, nâng cấp, hiện đại hóa kho dữ liệu chuyên ngành dân số và kết nối liên thông đến cấp xã.

1.2. Giai đoạn 2 (từ năm 2026 đến 2030): Trên cơ sở sơ kết giai đoạn 2021 - 2025, triển khai mở rộng các nhiệm vụ, giải pháp có hiệu quả của Chương trình,

trong đó tập trung triển khai mô hình cộng tác viên dân số thực hiện thu thập, cập nhật thông tin dân số tại hộ gia đình trên thiết bị di động thông minh.

**2. Phạm vi:** Triển khai trong phạm vi toàn tỉnh.

### **3. Đối tượng**

- Đối tượng chịu sự tác động: Cơ quan, đơn vị dân số, y tế các cấp; công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp; cộng tác viên dân số.

- Đối tượng thụ hưởng: Cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin số liệu dân số và phát triển**

a) Đa dạng hóa, nâng cao chất lượng các sản phẩm, ấn phẩm thông tin số liệu dân số. Thực hiện báo cáo chuyên sâu, triển khai các hướng dẫn; dự báo động thái, vấn đề dân số mới nảy sinh. Cung cấp, chia sẻ thông tin dữ liệu chuyên ngành dân số thuận tiện, liên tục và theo thời gian.

b) Đổi mới phương thức cung cấp thông tin số liệu dân số và phát triển theo các hình thức khác nhau. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh thông tin truyền thông hiện đại và truyền thông trực tiếp đến lãnh đạo cấp ủy, chính quyền các sở, ban, ngành, đoàn thể và toàn xã hội về vai trò của thông tin số liệu dân số và phát triển trong công tác chỉ đạo, điều hành để đạt các mục tiêu về dân số; lồng ghép yếu tố dân số trong xây dựng, thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trong tỉnh.

c) Đảm bảo nguồn lực, phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện Kế hoạch.

### **2. Thực hiện các quy định chuyên môn, kỹ thuật**

a) Xây dựng cơ chế phối hợp, chia sẻ, khai thác thông tin số liệu dân số và phát triển của các sở, ban, ngành, địa phương; hỗ trợ việc thu thập, cập nhật thông tin số liệu đầu vào, quản trị và vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

b) Thực hiện đúng các quy định về kỹ thuật, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số; giám sát, đánh giá, thẩm định chất lượng thông tin số liệu của các huyện, thị, thành phố.

### **3. Nâng cao chất lượng thông tin số liệu, hiện đại hóa kho dữ liệu chuyên ngành dân số.**

a) Nâng cao chất lượng thu thập thông tin số liệu đầu vào của mạng lưới dân số các cấp, cộng tác viên dân số; rà soát, thẩm định thông tin số liệu; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả ba hình thức thu thập thông tin: Báo cáo định kỳ, điều tra thống kê, hồ sơ đăng ký hành chính trên cơ sở nhu cầu thông tin số liệu phục vụ quản lý điều hành.

b) Nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số

- Thực hiện các giải pháp đề số hóa, cập nhật thông tin số liệu trực tuyến tại cấp xã, phường, thị trấn; lưu trữ, quản lý dữ liệu tập trung tại kho dữ liệu chuyên ngành dân số cấp tỉnh, cấp huyện.

- Bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa kho dữ liệu chuyên ngành dân số hiện có và kết nối liên thông đến cấp xã.

- Ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ mới; phát triển, sử dụng các ứng dụng khai thác dữ liệu, dự báo dân số phục vụ yêu cầu quản lý, phân tích, chia sẻ, công bố thông tin số liệu dân số.

- Kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu của các ngành, các địa phương; hình thành công dữ liệu dân số; quản lý và giám sát an toàn thông tin; bảo mật các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh dữ liệu của kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp trên cơ sở áp dụng, triển khai các biện pháp, quy định về quản lý, kỹ thuật theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin, an ninh dữ liệu.

- Tăng cường giám sát, đánh giá, thẩm định chất lượng thông tin số liệu đầu vào của hệ thống; đối chiếu thông tin với các hồ sơ hành chính của các ngành liên quan.

c) Áp dụng hệ thống chỉ tiêu dân số và phát triển, các biểu, mẫu thu thập thông tin, báo cáo định kỳ vào các cuộc điều tra thống kê chuyên ngành, điều tra nhân khẩu học và sức khỏe. Kết nối chia sẻ thông tin số liệu, dữ liệu giữa kho dữ liệu chuyên ngành dân số với các cơ sở dữ liệu của ngành Y tế, Bảo hiểm xã hội và các sở, ngành của tỉnh.

#### **4. Nâng cao năng lực cán bộ, cộng tác viên tham gia**

a) Kiện toàn mạng lưới thống kê, thu thập, cập nhật thông tin số liệu chuyên ngành dân số gắn với đội ngũ cán bộ, cộng tác viên dân số các cấp. Phát huy vai trò và năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác công nghệ thông tin trong ngành Y tế ở các tuyến (tỉnh và huyện).

b) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số về kiến thức và kỹ năng thu thập thông tin; xử lý, khai thác, lưu trữ số liệu dân số; quản trị, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

#### **5. Đảm bảo nguồn lực**

a) Bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch, lồng ghép với các kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ liên quan; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số, cộng tác viên dân số tham gia theo chức năng nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu tại cơ sở.

b) Tham gia các khóa đào tạo, trao đổi chuyển giao công nghệ.

### **IV. KINH PHÍ**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước (chi thường xuyên, chi đầu tư) bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và từ nguồn kinh phí hợp pháp

khác; lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình dự án khác; trong đó kinh phí địa phương được giao cho các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản khác theo quy định hiện hành.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch, báo cáo Bộ Y tế và UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan tổng hợp, lồng ghép các nội dung của hoạt động củng cố và phát triển hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành dân số vào các chương trình, kế hoạch đầu tư của tỉnh.

3. Sở Tài chính: Căn cứ khả năng ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách để thực hiện kế hoạch.

4. Cục Thống kê tỉnh: Phối hợp với Sở Y tế thực hiện việc báo cáo thống kê số liệu về dân số trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu, áp dụng các ứng dụng, số liệu thống kê dân số thực hiện các giải pháp khoa học công nghệ.

5. Các Sở, ngành liên quan: Thông tin và Truyền thông; Công an; Tư pháp; Lao động - Thương binh và Xã hội; Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Giáo dục và Đào tạo; Văn Hóa, Thể thao và Du lịch:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Y tế chia sẻ, kết nối với kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số hoặc hướng dẫn các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên môn về chia sẻ, kết nối kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số với cơ sở dữ liệu của các ngành liên quan.

6. Các sở, ban, ngành khác: Theo chức năng, thẩm quyền và nhiệm vụ được giao triển khai, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của kế hoạch; lồng ghép nội dung của kế hoạch vào các kế hoạch, chương trình, dự án của các sở, ban, ngành.

### 7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch; bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách phân cấp cho huyện, thị, thành phố để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch.

b) Sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

8. Đề nghị UBMTTQVN tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh và các tổ chức thành viên khác: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, tham gia triển khai và giám sát các hoạt động của Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Ủy ban nhân dân tỉnh giao các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, thành phố triển khai thực hiện kế hoạch; báo cáo việc triển khai và kết quả đạt được gửi Sở Y tế (trước ngày 10 tháng 12 hàng năm) để tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế, UBND tỉnh theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Y tế (b/c);
- Tổng cục Dân số - KHHGĐ;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị, thành phố;
- Chi cục DS-KHHGĐ tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Nam**